

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN G
TỈNH B
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2023

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H: Bà Huỳnh Thị Duyên Em, Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Cẩm N, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện H, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn L, sinh năm: 1979; Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện H, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Phạm Thị Cẩm N trình bày:

Bà và bị đơn là ông Hồ Văn L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B vào ngày 25/4/2003, hôn nhân do tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã trong cuộc sống hàng ngày nên bà và ông L không còn chung sống với nhau nữa từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà có yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông L có 02 con chung là Hồ Thị Yến N, sinh ngày: 29/8/2003 và Hồ Thị Yến O, sinh ngày 20/6/2006. Hiện con chung là Yến N đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được. Bà có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Yến O, bà không có yêu cầu ông L có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã thông báo và tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện H đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 04 tháng 7 năm 2023, ông L vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, ông L vẫn vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng. Thẩm phán đảm bảo đúng theo thời gian giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vô tư, khách quan. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Cẩm N. Bà Phạm Thị Cẩm N và ông Hồ Văn L được ly hôn.

Về con chung: Bà Nhung và ông L có 02 con chung là Hồ Thị Yến N, sinh ngày: 29/8/2003 và Hồ Thị Yến O, sinh ngày 20/6/2006. Hiện con chung là Yến N đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được. Hiện tại con chung là Yến O do bà Nhung là người trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy hiện tại bà N vẫn đảm bảo tốt về quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ cần giao con chung chưa thành niên cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là phù hợp. Mặt khác, cháu Yến O đã trên 07 tuổi, Tòa án tiến hành lấy ý kiến tham khảo của cháu Yến O, cháu vẫn muốn tiếp tục sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc tiếp tục trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không có yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Đối với ông Hồ Văn L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B vào ngày 25/4/2003 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau kết hôn, bà N và ông L cùng chung sống với nhau hạnh phúc trong khoảng thời gian đầu sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Theo bà N thì nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn phát

sinh hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cự cãi, nên bà và ông L đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2022 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy bà N và ông L đã sống ly thân với nhau, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, ông bà không còn quan tâm chăm sóc nhau như vợ như chồng. Bà N cho rằng bà và ông L đã không cùng chung sống với nhau nữa từ tháng 01/2022 cho đến nay. Do bà N không còn tình cảm vợ chồng với ông L nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải với mục đích là hòa giải cho ông bà đoàn tụ. Tuy nhiên, ông L đã bỏ mặc không tham gia chứng tỏ ông L cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, trong thời gian ly thân bà N và ông L cũng không quan tâm chăm sóc cho nhau, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân của ông bà. Tòa án đã động viên bà N trở lại hàn gắn đoàn tụ nhưng bà N vẫn cương quyết xin ly hôn với ông L.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nhung là phù hợp.

Về con chung: Bà N và ông L có 02 con chung là Hồ Thị Yến N, sinh ngày: 29/8/2003 và Hồ Thị Yến O, sinh ngày 20/6/2006. Hiện con chung là Yến N đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét. Hiện tại con chung là Yến O do bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, bà N đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho trẻ. Mặt khác, cháu Yến O đã trên 07 tuổi, Tòa án tiến hành lấy ý kiến tham khảo của cháu Yến O, ý kiến của cháu Yến O có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên cần giao con chung chưa thành niên là Yến O cho bà N được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà N là người trực tiếp nuôi con chưa thành niên nhưng bà N không có yêu cầu bà ông L phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông L không đến Tòa để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được ông L có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nêu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- *Về án phí:* Bà N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy

định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị Cẩm N được ly hôn với ông Hồ Văn L.

2. *Về con chung*: Trong quá trình chung sống bà Phạm Thị Cẩm N và ông Hồ Văn L có 02 con chung là Hồ Thị Yên N, sinh ngày: 29/8/2003 và Hồ Thị Yên O, sinh ngày 20/6/2006. Hiện con chung là Yên N đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được. Giao con chung chưa thành niên là Yên O cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không có yêu cầu.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở Ông L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông L không đến Tòa để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được ông L có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*:

Bà Phạm Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nhung đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000176 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H; bà N đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại Tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại Tòa thì kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn; có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã T, H. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Võ Thế Trang Đền